

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

CHÍNH THỨC

24-10-2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III Năm 2008

TỪ NGÀY 01/01/2008 ĐẾN NGÀY 30/09/2008

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 03 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 07 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 09 |
| BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 11 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)***Quý III năm 2008**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị tính : VNĐ

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối quý | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 3.517.637.057.348 | 3.172.432.265.737 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 566.925.462.241 | 117.818.399.217 |
| 1. Tiền | 111 | | 156.925.462.241 | 117.518.399.217 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 410.000.000.000 | 300.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 626.235.000.592 | 654.484.420.832 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 705.856.702.070 | 654.660.035.832 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | V.3 | (79.621.701.478) | (175.615.000) |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 596.449.058.597 | 654.722.035.522 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 431.615.129.362 | 505.234.650.816 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 97.658.871.489 | 79.848.439.620 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 137 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | V.4 | 67.190.020.876 | 70.390.242.141 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | (14.963.130) | (751.297.055) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.5 | 1.647.414.940.967 | 1.669.870.779.569 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.653.517.599.349 | 1.681.499.668.523 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (6.102.658.382) | (11.628.888.954) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 80.612.594.951 | 75.536.630.597 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 68.441.886.112 | 14.280.843.795 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 4.236.214.956 | 33.400.640.529 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | V.6 | 372.082.718 | 23.808.062.971 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 7.562.411.165 | 4.047.083.302 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị tính : VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối quý | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 2.415.503.122.766 | 2.252.681.178.138 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 297.800.000 | 762.225.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 2. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn khác | 218 | | 297.800.000 | 762.225.000 |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.838.622.493.611 | 1.646.942.684.229 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 1.434.681.306.225 | 1.022.628.095.224 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.477.341.589.315 | 1.963.815.921.472 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (1.042.660.283.090) | (941.187.826.248) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 50.903.283.393 | 20.714.476.300 |
| - Nguyên giá | 228 | | 76.025.301.817 | 38.770.913.342 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (25.122.018.424) | (18.056.437.042) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.9 | 353.037.903.993 | 603.600.112.705 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| - Nguyên giá | 241 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 357.236.527.138 | 401.017.825.626 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 42.843.029.338 | 76.131.684.826 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.10 | 351.836.933.800 | 324.886.140.800 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 259 | V.11 | (37.443.436.000) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 219.346.302.017 | 203.958.443.283 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 191.790.642.499 | 195.630.397.387 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 26.533.414.278 | 8.016.847.896 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 1.022.245.240 | 311.198.000 |
| VI. Lợi thế thương mại | | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200) | 270 | | 5.933.140.180.114 | 5.425.113.443.875 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị tính : VNĐ

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối quý | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320) | 300 | | 991.712.572.599 | 1.073.225.591.521 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 902.330.404.048 | 933.353.236.344 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.12 | 198.973.436.000 | 9.963.436.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 387.009.477.875 | 621.374.668.706 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 36.603.185.939 | 5.716.559.295 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | 36.430.588.297 | 35.328.940.033 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 15.865.111.435 | 426.668.700 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.13 | 169.685.823.502 | 132.465.566.711 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 57.762.781.000 | 128.077.396.899 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 89.382.168.551 | 139.872.355.177 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | 34.880.316.551 | 81.001.538.177 |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.15 | 24.908.590.000 | 32.381.167.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 29.593.262.000 | 26.489.650.000 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 10+420) | 400 | V.16 | 4.894.396.322.157 | 4.315.938.147.821 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 4.789.281.196.724 | 4.224.315.730.556 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 1.752.756.700.000 | 1.752.756.700.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.064.948.051.177 | 1.064.948.051.177 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 849.810.646.579 | 744.541.696.836 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 175.275.670.000 | 136.312.134.839 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 946.490.128.968 | 525.757.147.704 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 105.115.125.433 | 91.622.417.265 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 105.115.125.433 | 91.622.417.265 |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| C- LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỀU SỐ | 439 | | 47.031.285.358 | 35.949.704.533 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400) | 440 | | 5.933.140.180.114 | 5.425.113.443.875 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị tính: VNĐ

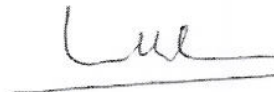
| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|---------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công | | 236.130.220 | 4.581.129.707 |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: USD | | 991.448 | 315.236 |
| EUR | | 4.706 | 33.256 |
| AUD | | 0,5 | 0,5 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Người lập biểu



Nguyễn Đức Diệu Thor

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm



Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**(Dạng đầy đủ)****Quý III năm 2008**

Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

MÃ SỐ B02a-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Số | Thuyết minh | Quý III | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-------|-------------|---------------------|---------------------|------------------------------------|---------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.1 | 2.170.198.326.196 | 1.840.769.651.951 | 6.087.885.187.074 | 4.960.255.859.497 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 3 | VI.1 | (55.588.368.801) | (33.470.180.227) | (131.963.591.646) | (89.036.391.808) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03) | 10 | VI.1 | 2.114.609.957.395 | 1.807.299.471.724 | 5.955.921.595.428 | 4.871.219.467.689 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | (1.424.116.272.105) | (1.345.546.525.058) | (4.016.345.772.503) | (3.585.654.503.165) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11) | 20 | | 690.493.685.290 | 461.752.946.666 | 1.939.575.822.925 | 1.285.564.964.524 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 37.126.155.262 | 24.954.532.608 | 216.877.079.371 | 221.598.778.911 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | (23.145.302.309) | (10.499.784.278) | (176.092.228.599) | (15.889.280.609) |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | (291.822.521.333) | (239.964.045.193) | (722.783.393.000) | (633.375.853.082) |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (58.082.348.576) | (53.380.020.576) | (176.886.649.056) | (156.757.397.505) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

| | | | | |
|---|----|------------------|-------------------|------------------|
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)} | 30 | 182.863.629.227 | 1.080.690.631.641 | 701.141.212.239 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 16.039.018.975 | 97.888.062.557 | 135.689.947.661 |
| 12. Chi phí khác | 32 | (5.540.097.258) | (6.234.126.034) | (48.077.920.251) |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32) | 40 | 10.498.921.717 | 91.653.936.523 | 87.612.027.410 |
| 14. Phần lỗ trong liên doanh | | (7.211.011.547) | (48.351.427.463) | (33.504.610.317) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 186.151.539.397 | 1.123.993.140.701 | 755.248.629.332 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành (50 = 30 + 40) | 51 | (43.443.714.047) | (125.975.241.586) | - |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 8.743.930.576 | 18.516.566.382 | - |
| 18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số | | (2.128.686.811) | 5.004.219.121 | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52) | 60 | 186.151.539.397 | 1.021.538.684.618 | 755.248.629.332 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 1.091 | 5.828 | 4.425 |



Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý III năm 2008**

Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|-------------|------------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | | 1.123.993.140.701 | 755.248.629.332 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 2 | | 127.342.361.221 | 93.383.545.744 |
| - Các khoản dự phòng | 3 | | 110.626.957.981 | 13.853.058.195 |
| - Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 4 | | (4.580.430.800) | (909.546.176) |
| - Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | | (17.820.620.639) | (132.716.849.797) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | | 23.676.643.708 | 6.242.099.943 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 8 | | 1.363.238.052.173 | 735.100.937.241 |
| - Tăng giảm các khoản phải thu | 9 | | 78.579.254.215 | (142.559.521.763) |
| - Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | | 25.860.851.761 | (147.989.496.330) |
| - Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | (250.365.047.238) | 31.077.394.722 |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | (50.321.287.429) | 2.987.768.919 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (23.130.898.917) | (4.403.730.014) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (101.861.076.253) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 53.496.112.935 | 48.864.287.200 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (99.432.230.328) | (112.643.819.824) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 996.063.730.918 | 410.433.820.151 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (249.947.675.362) | (618.369.968.418) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 3.956.392.515 | 1.579.181.495 |
| 3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (89.100.000.000) | (585.524.380.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 3.000.000.000 | 104.317.041.188 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (103.005.162.475) | (48.650.044.326) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu -- Quận 3 -- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

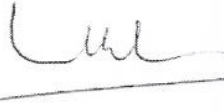
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

| | | | |
|--|-----------|--------------------------|----------------------------|
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 56.843.136.219 | 65.925.510.894 |
| 8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con | 28 | 20.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (378.233.309.103) | (1.080.722.659.167) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 1.183.477.075.000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 186.401.500.000 | 300.000.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (7.472.577.000) | (12.892.504.000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (347.709.580.000) | (499.973.773.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (168.780.657.000) | 970.610.798.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | 449.049.764.816 | 300.321.958.984 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 117.818.399.217 | 157.020.791.960 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ | 61 | 57.298.208 | 868.254.712 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 566.925.462.241 | 458.211.005.656 |

Lập ngày 24 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng


Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hoặc “VINAMILK”) được thành lập ban đầu theo Quyết Định số 420/CNN/TCLD ngày 29/4/1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà Nước. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN ngày 01/10/2003 của Bộ Công nghiệp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003 Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM. Ngày 19/01/2006, cổ phiếu của công ty đã được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM theo Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2005.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 30/09/2008,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng Quận Cầu Giấy

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng.

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Dié-lac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.

Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.

Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12 TP HCM.

Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò.

Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn.

Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8 Q1 TP HCM.

Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II – Tỉnh Bình Dương

Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

+ Công ty có các Công ty con và Liên doanh như sau:

| Công ty con – liên doanh | Hoạt động chính | Phần vốn Công ty nắm giữ |
|---|----------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH Liên doanh SABMILLER Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh bia | 50% |
| Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn | Sản xuất sữa | 55% |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam | Kinh doanh bất động sản | 64,25% |
| Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam | Sản xuất sữa | 100% |
| Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế | Phát triển bất động sản | 100% |

2. Lĩnh vực kinh doanh :

- Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
- Xuất nhập khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh :

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, bao gồm các lĩnh vực sau:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà.
- Môi giới, cho thuê bất động sản.
- Kinh doanh kho, bến bãi.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất và mua bán bao bì.
- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- Phòng khám đa khoa
- Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Không

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 30/09/2008.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006

Các thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ nên được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008, là báo cáo đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính hợp nhất năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Khoản giảm giá hàng bán đã được ghi nhận dưới dạng chi phí bán hàng cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2007 lần lượt là 29.691.328.515.đồng và 77.754.601.238 đồng được phân loại sang khoản giảm trừ doanh thu để thống nhất với khoản giảm giá hàng bán trình bày trong thông tin tài chính cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008. Việc phân loại không làm thay đổi lợi nhuận sau thuế cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2007.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt : Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng : Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm.
- Các khoản tiền đang chuyển : dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Có và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Nợ.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng cũng được xem như các khoản tương đương tiền.

c. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Các đồng tiền khác (gọi chung là ngoại tệ) khi giao dịch được ghi nhận như sau :
 - + Ngoại tệ mua, bán : hạch toán theo giá mua thực tế
 - + Ngoại tệ thanh toán : được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán (tỷ giá bán của ngày cuối tháng trước của Ngân hàng Ngoại thương TP HCM). Cuối tháng, ghi nhận lãi lỗ trong nghiệp vụ mua bán ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

- Ngoại tệ tồn quỹ được đánh giá lại theo tỷ giá vào ngày cuối kỳ (theo tỷ giá liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước); chênh lệch phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái và được kết chuyển vào doanh thu hoặc thu nhập tài chính vào cuối niên độ kế toán.

4. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Theo phương pháp giá gốc.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho :

+ Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

+ Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá ngoại tệ thực tế ngày giao hàng.

+ Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Quyết định 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị phải khấu hao: được tính bằng với nguyên giá do không xác định được giá trị thanh lý một cách đáng tin cậy.
- TSCĐ được ghi nhận, phân loại, xác định nguyên giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 03 và phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.
- Nguyên giá TSCĐ nhập ngoại sẽ được ghi nhận theo tỷ giá lúc nhận hàng, chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

+ TSCĐ vô hình :

- TSCĐ vô hình tại công ty có nguyên giá là giá trị bỏ ra để nắm giữ quyền sử dụng đất.
- Các TSCĐ vô hình khác được ghi nhận nguyên giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 04.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau :

| Nhóm loại | Thời gian (năm) |
|--|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 |
| Máy móc, thiết bị | 10 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5- 8 |
| Bò tài sản | 6 |

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không áp dụng trích khấu hao.

+ Chi phí phát triển dàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang Tài sản cố định để trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Hiện tại Công ty chưa có nghiệp vụ về bất động sản đầu tư.

7. Đầu tư tài chính

Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 07 và VAS08 .

Các khoản đầu tư tài chính khác như tiền gửi có kỳ hạn được phân loại theo kỳ hạn để xác định là đầu tư dài hạn và ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được thực hiện theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 16 và được hướng dẫn tại thông tư 161/2007/TT-BTC.

Công ty có phát sinh về nghiệp vụ vay vốn cho đầu tư XDCB và chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị tài sản XDCB dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác .

- Chi phí trả trước : Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc :
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định : phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước : phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty tổ chức ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau :

- + Chi phí khuyến mãi phải trả : được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả : được trích theo tiến độ và thời hạn các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà đất phải trả : trích trước theo hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Hiện tại, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ về dự phòng phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau : Quỹ đầu tư phát triển 10%, quỹ phúc lợi khen thưởng 10% và quỹ dự phòng tài chính 5% (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính :

- + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài : được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- + Lỗ đầu tư chứng khoán : được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí đi vay : ghi nhận hàng kỳ theo lãi suất vay.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán : theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái : được ghi nhận theo các nội dung sau
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá từ khi lập hợp đồng đến khi nhận hóa đơn.
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá giữa hóa đơn và thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 17 – Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

16. Hợp nhất báo cáo

Công ty tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 902.250.160 | 1.063.809.801 |
| Tiền gửi ngân hàng | 146.307.615.681 | 109.560.397.063 |
| Tiền đang chuyển | 9.715.596.400 | 6.894.192.353 |
| Các khoản tương đương tiền | 410.000.000.000 | 300.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 410.000.000.000 | 300.000.000 |
| - Cổ phiếu | - | - |
| - Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | - | - |
| Cộng | <u>566.925.462.241</u> | <u>117.818.399.217</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 357.761.702.070 | 451.863.535.832 |
| - Cổ phiếu | 345.346.702.070 | 436.453.535.832 |
| - Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | 12.415.000.000 | 15.410.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 348.095.000.000 | 202.796.500.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống | 144.500.000.000 | 5.400.000.000 |
| - Đầu tư ngắn hạn khác | 203.595.000.000 | 197.396.500.000 |
| Cộng | <u>705.856.702.070</u> | <u>654.660.035.832</u> |

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn | (79.621.701.478) | (175.615.000) |
| Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác | - | - |
| Cộng | <u>(79.621.701.478)</u> | <u>(175.615.000)</u> |

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 117.755.432 | 275.784.202 |
| Lãi tiền gửi phải thu | 7.437.572.220 | 5.247.469.179 |
| Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia | 1.108.578.373 | 1.624.353.373 |
| Tiền, vật tư, hàng hóa cho mượn | - | - |
| Thuế NK còn được hoàn | 10.791.427.135 | 8.001.051.227 |
| Cổ phiếu Quỹ Phúc lợi | 24.322.126.897 | 24.322.126.897 |
| Campina | - | 18.624.116.500 |
| NH TMCP Bảo Việt | 3.200.000.000 | - |
| Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp | 16.341.239.531 | 5.533.720.609 |
| Phải thu khác | 3.871.321.288 | 6.761.620.154 |
| Cộng | <u>67.190.020.876</u> | <u>70.390.242.141</u> |

5. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 59.873.449.151 | 357.959.571.278 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.011.093.865.811 | 1.013.209.707.816 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.001.480.553 | 1.838.131.994 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 88.749.426.532 | 61.621.220.159 |
| Thành phẩm | 300.023.518.289 | 238.567.706.820 |
| Hàng hóa | 8.922.840.260 | 7.967.147.499 |
| Hàng gửi đi bán | 174.844.518.753 | 336.182.957 |
| Hàng hóa bất động sản | 2.008.500.000 | - |
| Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho | (6.102.658.382) | (11.628.888.954) |
| Cộng | <u>1.647.414.940.967</u> | <u>1.669.870.779.569</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 372.082.718 | 23.808.062.971 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | - | - |
| Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa | - | - |
| Cộng | <u>372.082.718</u> | <u>23.808.062.971</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình

| Số dư đầu kỳ 01/01/2008 | Nhà cửa | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Gia súc | Tổng cộng |
|---------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 345.292.315.854 | 1.368.194.447.440 | 159.493.413.971 | 73.688.912.048 | 17.146.832.159 | 1.963.815.921.472 | |
| Mua trong năm | 363.589.945 | 20.449.376.600 | 14.217.025.611 | 9.795.270.885 | 45.229.435.826 | |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | 140.331.283.294 | 322.678.306.323 | 19.226.603.816 | 901.872.183 | 489.361.577.068 | |
| Tăng do nhận góp vốn | 215.000.000 | - | - | - | 215.000.000 | |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | |
| Thanh lý, nhượng bán | 215.000.000 | 17.716.334.275 | 225.000.000 | 521.312.901 | 21.280.345.050 | |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | |
| Số dư cuối kỳ 30/09/2008 | 485.987.189.093 | 1.693.605.796.088 | 192.712.043.398 | 83.864.742.215 | 21.171.818.522 | 2.477.341.589.316 |

II. Giá trị hao mòn lũy kế

| | | | | | | |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| Số dư đầu kỳ 01/01/2008 | 129.681.398.027 | 684.993.866.561 | 80.111.273.381 | 43.832.531.147 | 2.568.757.131 | 941.187.826.247 |
| Khấu hao trong năm | 14.100.947.616 | 81.912.129.234 | 9.711.544.272 | 11.824.417.551 | 2.727.741.166 | 120.276.779.840 |
| Tăng do nhận góp vốn | - | - | - | - | - | - |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 17.577.900.954 | 225.000.000 | 481.814.666 | 509.787.169 | 18.794.502.789 |
| Giảm khác | - | - | - | - | 9.820.208 | 9.820.208 |
| Số dư cuối kỳ 30/09/2008 | 143.782.345.643 | 749.328.094.841 | 89.597.817.653 | 55.175.134.032 | 4.776.890.920 | 1.042.660.283.090 |

III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

| | | | | | | |
|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tại ngày đầu năm | 215.610.917.827 | 683.200.580.879 | 79.382.140.590 | 29.856.380.901 | 14.578.075.028 | 1.022.628.095.225 |
| Tại ngày cuối kỳ | 342.204.843.450 | 944.277.701.247 | 103.114.225.745 | 28.689.608.183 | 16.394.927.602 | 1.434.681.306.226 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy vi tính | Tổng cộng |
|--|-------------------|-----------------|--------------------------|----------------------|----------------|
| I. Nguyên giá TSCĐ vô hình | | | | | |
| Số dư đầu kỳ 01/01/2008 | 19.899.547.200 | - | - | 18.871.366.142 | 38.770.913.342 |
| Mua trong năm | - | - | - | 4.962.861.000 | 4.962.861.000 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | - | 16.440.727.475 | 16.440.727.475 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 15.850.800.000 | - | - | - | 15.850.800.000 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ 30/09/2008 | 35.750.347.200 | - | - | 40.274.954.617 | 76.025.301.817 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ 01/01/2008 | 11.608.069.186 | - | - | 6.448.367.856 | 18.056.437.042 |
| Khấu hao trong năm | - | - | - | 7.065.581.382 | 7.065.581.382 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ 30/09/2008 | 11.608.069.186 | - | - | 13.513.949.238 | 25.122.018.424 |
| III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 8.291.478.014 | - | - | 12.422.998.286 | 20.714.476.300 |
| Tại ngày cuối kỳ | 24.142.278.014 | - | - | 26.761.005.379 | 50.903.283.393 |

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu kỳ | 603.600.112.705 | 318.725.081.078 |
| Tăng trong kỳ | 256.396.381.842 | 454.033.672.024 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình | 489.361.577.596 | 163.626.002.364 |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình | 16.440.727.475 | 10.979.330.907 |
| Chuyển sang HTK | - | - |
| Thanh lý | 1.156.285.483 | 397.435.932 |
| Giảm khác | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 353.037.903.993 | 597.755.983.899 |

Trong đó có các công trình lớn là:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Hệ thống ERP II | 12.882.871.495 | 21.896.863.875 |
| MMTB cho trại bò Nghệ An | 17.312.651.752 | 4.088.279.244 |
| Máy phân tích sữa nhanh cho NM Sữa Trường Thọ, Sài Gòn & Hà Nội | 5.415.393.750 | - |
| Máy dán nắp nhôm | 19.978.971.328 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| Dây chuyền cà phê hòa tan E&E | 161.370.606.852 | 153.453.192.097 |
| Lắp đặt máy móc thiết bị - NM sữa Tiên Sơn | 18.944.930.021 | - |
| Trang trại bò sữa Nghệ An | 11.659.819.710 | - |
| Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội | 8.518.121.706 | 7.664.304.347 |
| XDCB NM sữa Tiên Sơn | 1.133.412.230 | 63.522.575.455 |
| Tòa nhà văn phòng CNCT | 36.659.360.000 | - |
| Hệ thống chế biến sữa tươi và Yogurt Tiên Sơn | - | 55.402.194.173 |
| Máy rót hộp Slim TBA 22 C/S : 20,000 hộp/giờ | - | 22.490.566.568 |
| Máy rót sữa TPA3 Flex (26 1024) | - | 31.583.603.240 |
| Dây chuyền chiết rót sữa chua men sống - SGM | - | 15.838.800.000 |
| Dây chuyền chế biến sữa đặc | - | 20.423.970.280 |
| Giai đoạn II - Nhà kho 10.000m2 - Cần Thơ | - | 17.267.552.111 |
| Các công trình khác | 59.161.765.149 | 189.968.211.315 |
| 10. Đầu tư dài hạn khác | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Đầu tư cổ phiếu | 225.796.933.800 | 234.383.781.300 |
| Đầu tư trái phiếu | 3.240.000.000 | 5.645.000.000 |
| Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu | - | 50.000.000.000 |
| Cho vay dài hạn | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 122.800.000.000 | 34.857.359.500 |
| Cộng | 351.836.933.800 | 324.886.140.800 |
| 11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn | 37.443.436.000 | - |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con | - | - |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh | - | - |
| Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác | - | - |
| Cộng | 37.443.436.000 | - |
| 12. Vay và nợ ngắn hạn | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 189.010.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15) | 9.963.436.000 | 9.963.436.000 |
| Cộng | 198.973.436.000 | 9.963.436.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

13. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước :

Thuế Thu nhập doanh nghiệp :

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy.

Nợ thuế tiềm tàng :

Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế do việc cổ phần hóa thành doanh nghiệp cổ phần theo các quy định hiện hành và do việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) Việt Nam hiện hành, Công ty được hưởng: 1) miễn toàn bộ thuế TNDN cho hai năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và năm 2005 ; 2) miễn 50% thuế suất thuế TNDN cho giai đoạn ba năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 và 3) miễn 50% thuế suất thuế TNDN cho hai năm sau khi niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo Công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006 của Tổng Cục Thuế, Công ty cộng gộp hai mức thuế suất ưu đãi trên và khai miễn hoàn toàn thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và năm 2007.

Trong năm 2008, Công ty phải nộp thuế TNDN với mức giảm 50% trên thuế suất thuế TNDN.

Ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo Công ty không được cộng gộp hai mức thuế suất ưu đãi cho hai năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007 và yêu cầu Công ty nộp khoản tiền thuế chưa nộp. Công ty hiện đang xem xét yêu cầu trên của Cục thuế TP.HCM và đang thảo luận với Tổng Cục thuế và Bộ Tài chính về cách xử lý cho vấn đề này. Nếu Công ty không thành công trong cuộc thảo luận này, Công ty có thể sẽ phải nộp một khoản thuế cho các năm nói trên được ước tính là 225.800 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty sẽ được giảm 50% thuế suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2010. Cho đến nay các cuộc thảo luận trên vẫn chưa có kết quả, và do đó Công ty không ghi nhận khoản thuế trên như một khoản nợ thuế trong các thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008.

14. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Thường bán hàng cho đại lý | 98.144.089.521 | 86.308.602.287 |
| Chi phí quảng cáo | 49.442.194.184 | 28.292.247.559 |
| Chi phí vận chuyển | 8.596.186.857 | 6.206.064.788 |
| Chi phí xuất khẩu | 97.579.594 | 2.547.456.075 |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 4.816.120.613 | 3.436.320.452 |
| Chi phí phải trả khác | 8.589.652.733 | 5.674.875.550 |
| Cộng | <u>169.685.823.502</u> | <u>132.465.566.711</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 6.079.206 | 239.222.378 |
| Kinh phí công đoàn | 1.254.782.462 | 1.326.876.058 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 5.029.400.000 | 10.390.100.000 |
| Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.820.151.402 | 63.485.696.426 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 23.016.600.000 | 23.016.600.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 26.635.767.930 | 29.618.902.037 |
| Cộng | <u>57.762.781.000</u> | <u>128.077.396.899</u> |

16. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | - | - |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | 24.908.590.000 | 32.381.167.000 |
| Nợ dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>24.908.590.000</u> | <u>32.381.167.000</u> |
| <i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</i> | | |
| Từ 1 năm trở xuống | 9.963.436.000 | |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 24.908.590.000 | |
| Trên 5 năm | - | |
| Tổng nợ | <u>34.872.026.000</u> | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư phát triển | | Quỹ dự phòng tài chính | | Quỹ khen thưởng phúc lợi | | Lợi nhuận chưa phân phối | | Cộng | |
|----------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|---|--------------------------|---|--------------------------|---|------|---|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 9 | 6 | 9 | 6 | 9 | 6 | 9 | 9 |
| Số dư đầu năm trước | 1.590.000.000.000 | 54.217.301.152 | 580.103.285.725 | 88.139.766.944 | 54.683.997.354 | 371.238.902.584 | 2.738.383.253.759 | | | | | | | |
| - Tăng vốn trong năm trước | 162.756.700.000 | 1.010.730.750.025 | - | - | - | - | 1.173.487.450.025 | | | | | | | |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 963.447.532.915 | 963.447.532.915 | | | | | | | |
| - Trích lập các quỹ | - | - | 164.438.411.111 | 48.172.367.895 | 96.344.735.788 | (308.955.514.794) | - | | | | | | | |
| - Tăng khác | - | - | - | - | 1.364.287.200 | - | 1.364.287.200 | | | | | | | |
| - Cổ tức | - | - | - | - | - | (499.973.773.000) | (499.973.773.000) | | | | | | | |
| - Giảm khác | - | - | - | - | (60.770.603.078) | - | (60.770.603.078) | | | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 1.752.756.700.000 | 1.064.948.051.177 | 744.541.696.836 | 136.312.134.839 | 91.622.417.264 | 525.757.147.705 | 4.315.938.147.821 | | | | | | | |
| - Tăng vốn trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - | | | | | | | |
| - Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 1.021.538.684.618 | 1.021.538.684.618 | | | | | | | |
| - Trích lập các quỹ | - | - | 105.268.949.743 | 38.963.535.161 | 105.268.949.743 | (249.501.434.647) | - | | | | | | | |
| - Tăng khác | - | - | - | - | 3.771.498.872 | - | 3.771.498.872 | | | | | | | |
| - Cổ tức | - | - | - | - | 2.841.760.000 | (350.551.340.000) | (347.709.580.000) | | | | | | | |
| - Giảm khác | - | - | - | - | (98.389.500.447) | (752.928.708) | (99.142.429.155) | | | | | | | |
| Số dư cuối quý này | 1.752.756.700.000 | 1.064.948.051.177 | 849.810.646.579 | 175.275.670.000 | 105.115.125.432 | 946.490.128.968 | 4.894.396.322.156 | | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------------------------|--------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 834.312.189.200 | 47.60% | 834.312.189.200 | 47.60% |
| Vốn góp của Nước ngoài | 787.338.309.640 | 44.92% | 782.255.315.210 | 44.63% |
| Vốn góp của nhà đầu tư trong nước | 131.106.201.160 | 7.48% | 136.189.195.590 | 7.77% |
| Thặng dư vốn cổ phần | 1.064.948.051.177 | | 1.064.948.051.177 | |
| Cộng | <u>2.817.704.751.177</u> | | <u>2.817.704.751.177</u> | |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

| | |
|------------------------|-------------------------------|
| Cổ tức năm trước | 175.275.670.000 |
| Tạm ứng cổ tức năm nay | 175.275.670.000 |
| Cộng | <u>350.551.340.000</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng doanh thu | 6.087.885.187.074 | 4.960.255.859.497 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 85.693.594.810 | 230.345.184.860 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 5.994.888.965.118 | 4.715.791.902.474 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 7.302.627.146 | 14.118.772.163 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 131.963.591.646 | 89.036.391.808 |
| - Chiết khấu thương mại | 107.058.469.133 | 87.363.346.272 |
| - Giảm giá hàng bán | - | - |
| - Hàng bán bị trả lại | 24.905.122.513 | 1.673.045.536 |
| Doanh thu thuần | <u>5.955.921.595.428</u> | <u>4.871.219.467.689</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm | 5.948.618.968.282 | 4.857.100.695.526 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 7.302.627.146 | 14.118.772.163 |

- Doanh thu chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong kỳ:

Trong kỳ, công ty có 1 khoản doanh thu xuất khẩu chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu là:

253.735.417.217 đ, giá trị gốc của lô hàng này đã được ghi nhận trên tài khoản 157: Hàng gửi đi bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 74.362.580.531 | 170.156.623.154 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 3.935.691.559.659 | 3.409.937.771.781 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.122.996.219 | 5.983.336.242 |
| Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho | 399.267.203 | 135.205.236 |
| Các khoản chi phí vượt mức bình thường | 10.295.599.463 | 368.088.557 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (5.526.230.572) | (926.521.805) |
| Cộng | <u>4.016.345.772.503</u> | <u>3.585.654.503.165</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 35.429.477.271 | 72.448.317.520 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.645.111.008 | 2.746.911.533 |
| Lãi trái phiếu | 2.000.240.000 | 1.052.000.000 |
| Lãi tiền cho vay | 100.870.420 | 161.331.275 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 19.183.900.969 | 9.972.969.679 |
| Cổ phiếu thưởng | 5.205.360.000 | 1.075.200.000 |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 119.553.118.562 | 127.078.085.200 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 32.656.561.580 | 6.151.249.035 |
| Khác | 102.439.561 | 912.714.669 |
| Cộng | <u>216.877.079.371</u> | <u>221.598.778.911</u> |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 23.678.627.041 | 6.242.099.943 |
| Lỗ đầu tư chứng khoán | - | - |
| Phí giao dịch mua bán chứng khoán | 515.420.758 | 596.662.812 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 35.008.658.322 | 10.659.709.143 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 116.889.522.478 | (1.700.000.000) |
| Khác | - | 90.808.711 |
| Cộng | <u>176.092.228.599</u> | <u>15.889.280.609</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.021.538.684.618 | 755.248.629.332 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i> | - | - |
| - <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i> | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 1.021.538.684.618 | 755.248.629.332 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 175.275.670 | 170.680.038 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5.828 | 4.425 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 175.275.670 | 159.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2008 | - | - |
| Ảnh hưởng của 7.950.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 01 năm 2007 | - | 7.105.494 |
| Ảnh hưởng của 8.325.670 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 04 tháng 05 năm 2007 | - | 4.574.544 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 175.275.670 | 170.680.038 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về bộ phận**

| CHỈ TIÊU | Quý III | | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------------------|-----------------|-----------------------------------|-----------------|
| | Nội địa | Xuất khẩu | Nội địa | Xuất khẩu |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.058.497.471.853 | 111.700.854.343 | 5.372.931.529.862 | 714.953.657.212 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 55.588.368.801 | - | 131.963.591.646 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03) | 2.002.909.103.052 | 111.700.854.343 | 5.240.967.938.216 | 714.953.657.212 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 1.341.563.090.226 | 82.553.181.879 | 3.488.610.468.600 | 527.735.303.903 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11) | 661.346.012.826 | 29.147.672.464 | 1.752.357.469.616 | 187.218.353.309 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2008

Nguyễn Đức Diệu Thơ
Người lập biểuLê Thành Liêm
Kế toán trưởngMai Kiều Liên
Tổng Giám đốc